

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn huyện Bắc Hà

Thực hiện Văn bản số 2690/UBND-TH ngày 14/6/2022 của UBND tỉnh về xây dựng và hoàn thiện kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 và năm 2022. UBND huyện Bắc Hà xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bắc Hà, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ HUYỆN

- Bắc Hà là huyện vùng cao, nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Lào Cai, cách thành phố Lào Cai khoảng 70 km. Tổng diện tích tự nhiên 68.331,6 ha. Toàn huyện có 19 đơn vị hành chính cấp xã, với 158 thôn, tổ dân phố, trong đó có 01 thị trấn và 07 xã khu vực I, 11 xã khu vực III (gồm: Tả Củ Tỷ, Lũng Cải, Tả Van Chư, Lũng Phình, Thái Giàng Phố, Hoàng Thu Phố, Cốc Ly, Nậm Khánh, Bản Liễn, Nậm Lức, Bản Cái) và có 20 thôn đặc biệt khó khăn thuộc 07 xã khu vực I. Phía Bắc của huyện giáp huyện Si Ma Cai và huyện Mường Khương; phía Tây giáp huyện Bảo Thắng; phía Nam giáp huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Phía Đông giáp huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.

- Toàn huyện có 14.317 hộ với 64.530 nhân khẩu, tổng số hộ DTTS là 11.252 hộ với 47.090 nhân khẩu, gồm 14 dân tộc anh em cùng sinh sống, với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 84% (trong đó dân tộc Mông chiếm 44,15%, Tày 11,18%, Nùng 9,2%, Dao 14,07%, còn lại các dân tộc khác 2,37%). Dân số trong độ tuổi lao động là 33.022 người (chiếm 51,1%/tổng dân số toàn huyện), tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 23,87% (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 16,6%). Toàn huyện có 7.407 hộ nghèo bằng 51,74%, tỷ lệ hộ nghèo các DTTS cụ thể: Dân tộc Tày: 7,2%, Thái: 0,1%, Mường: 0,1%, Nùng: 6,4%, Mông: 63,8 %, Dao: 14,9%, Dáy: 0,1%, La Chí: 0,8%, Phù Lá: 2,8%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 36,5 triệu đồng/người/năm (năm 2021).

- Những năm qua, Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách, cơ chế đặc thù ưu tiên, tập trung đầu tư cho vùng cao, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Do đó kinh tế - xã hội trên địa bàn đã từng bước phát triển, đời sống tinh thần, vật chất của Nhân dân ngày càng được nâng lên đó là nền tảng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm 2022 và những năm tiếp theo. Đặc biệt trong thời gian tới tỉnh sẽ tăng cường phân cấp, giao quyền cho huyện từ đó giúp huyện chủ động hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ đồng thời cũng phải nêu cao tinh thần trách nhiệm của toàn

bộ hệ thống chính trị, tổ chức và cá nhân. Cán bộ và Nhân dân các dân tộc trong huyện luôn phát huy truyền thống đoàn kết, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo cùng lợi thế về tiềm năng lao động, đất đai, khí hậu sẽ tạo ra động lực quan trọng cho việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện trên các lĩnh vực cụ thể:

+ Cơ sở vật chất giáo dục: Những năm qua công tác xây dựng cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn huyện được quan tâm, hàng năm đều tiến hành rà soát nhu cầu và phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học. Đến nay, toàn huyện xây dựng mới và nâng cấp 825 phòng học, 201 phòng bộ môn, 227 phòng chức năng, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 70%, không còn phòng học tạm. Xây dựng mới 237 phòng công vụ cho giáo viên, 346 phòng ở bán trú cho học sinh đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu. Bên cạnh đó, các công trình phụ trợ, trang thiết bị dạy học được tăng cường đầu tư.

+ Về y tế: Hiện nay hệ thống y tế từ huyện đến cơ sở đã được tăng cường và từng bước hoàn thiện, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân cũng như công tác Dân số và Kế hoạch hoá gia đình đạt nhiều kết quả khả quan, cơ sở vật chất các trạm y tế từ tuyến huyện đến xã cơ bản được đầu tư xây dựng khang trang, 19 xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,7%.

+ Về văn hóa: Bằng việc lồng ghép các nguồn vốn ngân sách và huy động xã hội hóa, đến nay đã triển khai xây dựng 18/18 xã có nhà văn hóa xã, 158 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố, 09 khu thể thao xã... Qua đó đã tạo điều kiện cho Nhân dân có nơi vui chơi giải trí, sinh hoạt cộng đồng và tổ chức các hoạt động khác của địa phương. Bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

+ Truyền thanh, truyền hình: Mạng lưới bu chính, viễn thông trên địa bàn đang từng bước được nâng cấp, hiện đại hóa. Xây dựng và nâng cấp 72 trạm BTS. Đến nay, có 16/18 xã có điểm Bưu điện Văn hóa xã, 100% xã phủ sóng điện thoại di động và có mạng Internet phục vụ đến trung tâm xã, trường học; 95% dân số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam; 100% số xã, thị trấn có hệ thống truyền thanh cơ sở và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

+ Thủy lợi: Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện được đầu tư đã cơ bản đáp ứng nhu cầu nước tưới cho trên 80% diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Toàn huyện hiện có 173 công trình thủy lợi, với tổng chiều dài các tuyến kênh mương là 529,5 km, trong đó được kiên cố hóa là 397,9 km, đạt 67,6%. Công tác phòng chống thiên tai được thực hiện hiệu quả đã hạn chế thấp nhất thiệt hại.

+ Nước sạch: Tổng số công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (*nước máy, hệ thống tự chảy*) trên địa bàn huyện tính đến thời điểm hết năm 2020 là 79 công trình, trong đó có 68 công trình giao cho cộng đồng quản lý, 11 công trình do hợp tác xã Thanh Hương và Trung tâm dịch vụ nông nghiệp quản lý tại 2 xã Bảo Nhai và Thái Giàng Phố. Hết năm 2021, tổng số hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh là 13.523/14.149 hộ, đạt 96%.

+ Trung tâm hành chính: Khu trung tâm hành chính huyện được quan tâm đầu tư xây dựng, hệ thống cơ sở hạ tầng đã tương đối đồng bộ. Các cơ quan, đơn vị hành chính đã được xây dựng trụ sở khang trang. Hệ thống giao thông nội thị đã cơ bản được hoàn thiện; vệ sinh, môi trường đã được đảm bảo, chợ văn hóa Bắc Hà đã được nâng cấp khang trang hơn.

+ Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Hoạt động sản xuất kinh doanh thương mại dịch vụ tăng trưởng khá. Hiện nay, có 7 chợ đang hoạt động: 01 chợ hạng 2, 05 chợ hạng 3 và 01 chợ tạm; hoạt động của các chợ giúp Nhân dân trao đổi mua bán hàng hóa, đồng thời cũng là nơi giao lưu văn hóa giữa các dân tộc và là điểm đến hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

+ Cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp: Trong giai đoạn 2015-2020, huyện Bắc Hà đã được quy hoạch chi tiết cụm Công nghiệp, tuy nhiên chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng, nên các cơ sở sản xuất công nghiệp vẫn nằm xen lẫn khu dân cư gây ảnh hưởng đến môi trường và đời sống Nhân dân.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Khai thác tiềm năng, lợi thế của các xã, thị trấn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng cao so với vùng thấp; giảm dần số xã, thôn đặc biệt khó khăn; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, liên vùng, kết nối với các vùng phát triển trong khu vực; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống của Nhân dân; nâng cao số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu; thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới quốc gia; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 trên 15%; GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 104 triệu đồng;
- Cơ cấu kinh tế GRDP: Nông lâm nghiệp và thủy sản 23%; Công nghiệp - Xây dựng 32,5%; Dịch vụ 44,5%;
- Thu nhập bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng/người/năm;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2021 - 2025 đạt 9.500 tỷ đồng;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 300 tỷ đồng, trong đó thu cân đối ngân sách huyện 250 tỷ đồng;

- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 80 triệu đồng;
- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trong 5 năm 2021 - 2025 là 7 xã;
- Giá trị công nghiệp đạt 1.315 tỷ đồng (trong đó, thủy điện đạt 1.000 tỷ);
- Tổng lượng khách du lịch đến địa bàn đạt 01 triệu lượt khách;
- Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 85%. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ giáo dục Trung học phổ thông hoặc tương đương đạt 65%;
- Đến năm 2025, đạt 40 giường bệnh và 7,5 bác sỹ trên 01 vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng: thể chiều cao trên tuổi dưới 26%, thể cân nặng trên tuổi dưới 16%;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1,3%;
- Tỷ lệ giảm nghèo hàng năm trên 7%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 58%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp các văn bằng, chứng chỉ đạt 35%. Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp dưới 71%;
- Hàng năm, tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hoá đạt 85%; tỷ lệ thôn bản, tổ dân phố đạt tiêu chuẩn văn hoá đạt 85%;
- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2025 là 43%;
- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%, khu vực nông thôn tập trung đạt 85%;
- Tỷ lệ các xã, thị trấn đạt xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đạt 80%. Tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%. Giảm 20% số vụ tai nạn và va chạm giao thông, giảm 15% số người chết, 20% số người bị thương;
- Đến năm 2025, phát triển dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt 80%; tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của huyện đạt 50%;
- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS cấp huyện đạt 39,86 %, cấp xã đạt 68,33 %; 85,61 % cán bộ, công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên; 8,9 % cán bộ có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 95 % cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kiến thức dân tộc theo 4 nhóm đối tượng; 86/97 % cán bộ chủ chốt cấp xã được bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế.

IV. NHIỆM VỤ CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

- Nội dung 1: Hỗ trợ đất đất ở :(không hỗ trợ nội dung này)

- Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở: (không hỗ trợ nội dung này)

- Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề

+ Hỗ trợ trực tiếp đất sản xuất: Hỗ trợ 128 hộ chưa có đất sản xuất hoặc thiếu trên 50% hạn mức đất sản xuất theo quy định, bố trí kinh phí hỗ trợ 7.668 triệu đồng và được vay vốn từ ngân hàng CSXH theo quy định tại mục 2 điều 23 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ; đáp ứng được 50% so nhu cầu.

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề: Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề cho 500 người; Hỗ trợ máy móc nông cụ cho 500 hộ thiếu đất sản xuất nhưng địa phương không còn quỹ đất để hỗ trợ trực tiếp, thì được hỗ trợ, bố trí kinh phí 11.703 triệu đồng từ nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương và được vay vốn từ ngân hàng CSXH theo quy định tại mục 2 điều 23 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ; đáp ứng được 100% so nhu cầu.

- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán: Hỗ trợ cho 2.110 hộ DTTS nghèo không có điều kiện xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, bố trí kinh phí 6.285 triệu đồng (3 triệu đồng/hộ để mua dụng cụ đựng nước, đào giếng, tự khơi nguồn nước), đáp ứng được 100% so nhu cầu.

+ Hỗ trợ nước sinh hoạt tập trung: Đầu tư, xây dựng nâng cấp 5 công trình cấp nước tập trung, cấp nước sinh hoạt cho 365 hộ và 5 điểm trường, kinh phí dự kiến 10.541 triệu đồng. Trong đó:

+ Vốn đầu tư Trung ương: 9.551 triệu đồng;

+ Vốn huy động cộng đồng: 990 triệu đồng;

- Bố trí kinh phí thực hiện Dự án 1 là: 35.207 triệu đồng (Trong đó vốn đầu tư 17.219 triệu đồng, vốn sự nghiệp 17.988 triệu đồng; vốn huy động cộng đồng 990 triệu đồng).

2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

- Mục tiêu: Nhằm ổn định và nâng cao đời sống của người dân, hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, du canh, du cư, di cư tự do; giải quyết sinh kế, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường và củng cố an ninh, quốc phòng.

- Nhiệm vụ thực hiện:

+ Dự án sắp xếp dân cư xen ghép: Hỗ trợ 143 hộ gia đình DTTS sinh sống vùng có nguy cơ thiên tai, xã thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Bố trí kinh phí là 21.166 triệu đồng.

+ Vốn đầu tư: 7.021 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 14.145 triệu đồng;

+ Vốn NS địa phương: 1.644 triệu đồng.

3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

a) Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân.

- Mục tiêu: Tạo việc làm, thu nhập cho người dân làm nghề rừng; hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, đặc biệt là phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ rừng bền vững tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, góp phần duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

- Nhiệm vụ: Phát triển sản xuất lâm nghiệp bền vững cho các hộ, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị.

- Vốn thực hiện Tiểu dự án 1 là: 11.094 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

* Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

- Mục tiêu: Hỗ trợ 3 dự án phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế xã hội của từng xã trên địa bàn huyện; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyên đổi tư duy trong sản xuất, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Nhiệm vụ:

+ Dự án phát triển cây ăn quả ôn đới: Tập trung hỗ trợ phát triển vùng sản xuất cây ăn quả có quy mô 254 ha cây ăn quả tại 5 xã nhằm cải thiện nguồn thu nhập cho ít nhất 700 hộ gia đình tham gia dự án. Với tổng giá trị 6.350 triệu đồng.

+ Dự án phát triển ngành hàng Quế theo chuỗi giá trị: Tập trung hỗ trợ 1.200 ha/920 hộ tham gia, trong đó (Hỗ trợ chứng nhận vùng quế hữu cơ 500 ha; Hỗ trợ giống, phân bón, vật tư phát triển vùng nguyên liệu 700 ha). nhằm tạo vùng sản xuất quế hàng hoá cung cấp cho các nhà máy, HTX, cơ sở sản xuất, chế biến quế trên địa bàn các xã, thị trấn; Nâng cao thu nhập ổn định cho các hộ gia đình tham gia dự án sau 3 năm trồng với tổng giá trị 14.850 triệu đồng.

+ Dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị dược liệu tại các xã (Tả Văn Chư, Lùng Cải, Hoàng Thu Phố, Lùng Phình, Tả Củ Tỷ); Tập trung hỗ trợ hình thành vùng sản xuất dược liệu có quy mô 164 ha/680 hộ tham gia với tổng giá trị 8.182 triệu đồng. Toàn bộ sản phẩm dược liệu đều được tiêu thụ thông qua liên kết sản xuất; Nâng cao thu nhập ổn định cho ít nhất 680 hộ gia đình tham gia dự án.

- Vốn thực hiện dự án 29.532 đồng (Nguồn vốn sự nghiệp).

* Nội dung 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mục tiêu: Thúc đẩy, hỗ trợ quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng hàng hóa, dịch vụ ở khu vực các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh

trong đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

Nhiệm vụ: Xây dựng 7 mô hình khởi nghiệp phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với du lịch; 02 Mô hình khởi nghiệp chế biến các sản phẩm nông sản đặc hữu; Hỗ trợ xúc tiến thương mại cho các sản phẩm truyền thống, gắn với hoạt động tại lễ hội đua ngựa hàng năm, hoạt động chợ.

- Bố trí kinh phí thực hiện dự án: 3.934 triệu đồng (nguồn vốn sự nghiệp).

c) Bố trí kinh phí thực hiện Dự án 3 là: 44.560 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn, cụ thể 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm xã được giải nhựa hoặc bê tông; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hoá. 100% số trường, lớp học; tăng cường tuổi thọ công trình.

- Nhiệm vụ:

+ Đầu tư đường đến trung tâm xã: 04 công trình/32,6 km, với kinh phí 167.960 triệu đồng (vốn Trung ương 52.160 triệu đồng, vốn địa phương 115.800 triệu đồng); đã giao chuẩn bị đầu tư 03 công trình.

+ Đầu tư chợ: 11.600 triệu đồng, vốn ngân sách Trung ương 5.800 triệu đồng; vốn địa phương 5.700 triệu đồng, vốn huy động cộng đồng 100 triệu đồng cho 06 công trình;

+ Đầu tư trạm y tế: 5.550 triệu đồng, vốn ngân sách trung 4.000 triệu đồng; vốn địa phương 1.350 triệu đồng, vốn huy động cộng đồng 200 triệu đồng cho 01 công trình;

+ Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở từng xã khu vực III và thôn ĐBKK: 201.9480 triệu đồng/69 công trình trong đó vốn ngân sách Trung ương 141.008 triệu đồng; vốn địa phương 19.532 triệu đồng; vốn huy động cộng đồng 41.408 triệu đồng;

+ Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn và công trình cơ sở hạ tầng các xã, thôn đã đầu tư từ giai đoạn trước; cải tạo, sửa chữa, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị cho các trạm y tế xã bảo đảm đạt chuẩn: 15.454 triệu đồng trong đó vốn ngân sách trung ương 15.454 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

- Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn thực hiện Dự án 4 là: 402.512 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương 218.422 triệu đồng (vốn đầu tư: 202.968 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 15.454 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương (vốn đầu tư): 142.382 triệu đồng.

+ Vốn huy động cộng đồng đóng góp: 41.708 triệu đồng.

5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mục tiêu: Củng cố phát triển hệ thống các trường THPTCS dân tộc bán trú có học sinh ở bán trú; Đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn quốc gia để đảm bảo việc tổ chức dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú, nội trú. Nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý, giáo viên các trường tiểu học, THPTCS có học sinh bán trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác xóa mù chữ, tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả công tác xóa mù chữ.

- Nhiệm vụ: Thực hiện đầu tư 10 công trình trường PTDTNT và PTDTBT cho 154 phòng học, phòng học bộ môn; Nhà Hiệu bộ; chức năng; Nhà kho; phòng ở bán trú, phòng công vụ GV; Nhà bếp+ Nhà ăn; công trình vệ sinh....

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 là 97.740 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 91.685 triệu đồng (vốn đầu tư);

+ Ngân sách địa phương: 6.055 triệu đồng;

b) Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Mục tiêu: Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hoá dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nhiệm vụ: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 là: 1.975 triệu đồng (vốn sự nghiệp)

c) Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Mục tiêu:

+ Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

+ Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

- Nhiệm vụ:

+ Hỗ trợ đào tạo nghề cho 1.690 người lao động;

+ Hỗ trợ khoảng 1.500 lao động tìm được việc làm có giao kết hợp đồng lao động

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 3 dự kiến là: 10.871 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

d) Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Mục tiêu: Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm: Quy trình triển khai dự án, tiêu dự án của Chương trình; quy trình, kỹ năng làm chủ đầu tư, nghiệp vụ đấu thầu, quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện), các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

- Nhiệm vụ: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

- Bổ trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 4 là: 4.446 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hoá cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hoá đồng bào các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

- Nhiệm vụ: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch

- Bổ trí kinh phí thực hiện Dự án 6 là: 13.780 triệu đồng (vốn đầu tư: 10.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 3.780 triệu đồng)

7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Mục tiêu: Cải thiện sức khoẻ của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe một cách tốt nhất. Tiếp tục khống chế, ngăn chặn, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nhiệm vụ: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

- Bổ trí kinh phí thực hiện Dự án 7 là: 3.025 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương)

8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

- Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, bảo vệ, chăm sóc phụ nữ và trẻ em, thực hiện mục tiêu bình đẳng giới.

- Nội dung 1: Hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" góp phần xóa bỏ các định kiến và khuôn mẫu giới trong gia đình và cộng đồng, những tập tục văn hóa có hại và một số vấn đề xã hội cấp thiết cho phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung 2: Xây dựng và nhân rộng các mô hình thay đổi "nếp nghĩ, cách làm" nâng cao quyền năng kinh tế cho phụ nữ; thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết của phụ nữ và trẻ em.

- Nội dung 3: Đảm bảo tiếng nói và sự tham gia thực chất của phụ nữ và trẻ em trong các hoạt động phát triển KTXH của cộng đồng, giám sát và phản biện; hỗ trợ phụ nữ tham gia lãnh đạo trong hệ thống chính trị.

- Nội dung 4: Trang bị kiến thức về bình đẳng giới, kỹ năng thực hiện lồng ghép giới cho cán bộ trong hệ thống chính trị, già làng, trưởng bản, chức sắc tôn giáo và người có uy tín trong cộng đồng.

- Bố trí kinh phí thực hiện Dự án 8 là: 7.743 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

9. Dự án 9: Đầu tư tạo sinh kế, phát triển dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn

a) Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù (huyện không thực hiện nội dung này).

b) Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Mục tiêu: Chuyển đổi nhận thức, hành vi trong hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số góp phần giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhất là nhóm các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù;

+ Trên 100% cán bộ làm công tác dân tộc cấp huyện, cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực, kỹ năng vận động, tư vấn, truyền thông thay đổi hành vi về tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào năm 2025;

+ Giảm bình quân 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn, dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao;

+ Đến năm 2025, phấn đấu ngăn chặn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nhiệm vụ: Giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo mục tiêu đề ra.

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 là: 1.775 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương).

10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

a) Tiểu dự án 1:

* Nội dung 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín.

Mục tiêu: Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các

điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

* Nội dung 2: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

- Mục tiêu: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và Nhân dân.

- Nhiệm vụ: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 là: 1.494 triệu đồng (vốn sự nghiệp ngân sách Trung ương)

b) Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Mục tiêu: Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương cho bạn bè trong nước và thế giới. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

- Nhiệm vụ: Hỗ trợ kết nối với các sàn TMĐT, tổ chức tập huấn, hướng dẫn bà con cập nhật sản phẩm lên sàn TMĐT để bán, quản lý sản phẩm.

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 2 là: 83 triệu đồng.

c) Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn, tổ chức thực hiện Chương trình.

- Mục tiêu: Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo Chương trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra.

- Nhiệm vụ: Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình

- Bố trí kinh phí thực hiện Tiểu dự án 3 là: 536 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

V. TỔNG MỨC VỐN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Tổng số kinh phí để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 là: 646.553 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 456.768 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 328.893 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 126.525 triệu đồng);

- Ngân sách địa phương: 148.437 triệu đồng;

- Vốn huy động cộng đồng đóng góp: 51.517 triệu đồng;

Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình cụ thể: (Có các phụ lục kèm theo)

VI. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Về nguyên tắc thực hiện Chương trình

- Nguyên tắc trong quản lý, tổ chức thực hiện chương trình thực hiện theo **Điều 4**, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022.

- Công khai minh bạch, dân chủ từ cơ sở, đúng đối tượng, đúng định mức, phát huy tinh thần vươn lên của người dân và cộng đồng. Đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trong quá trình bình xét đối tượng và triển khai các nội dung hỗ trợ thực hiện dự án.

- Ưu tiên các đối tượng khó khăn như: Dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, khó khăn đặc thù; đối tượng là nữ dân tộc thiểu số; đối tượng bị ảnh hưởng thiên tai, bão lũ

- Lồng ghép các nguồn lực theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND, ngày 19/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai và các hướng dẫn của các Bộ, ngành hướng dẫn.

- Tôn trọng các giá trị văn hoá, tri thức truyền thống, thiết chế cộng đồng; đảm bảo các yếu tố thị trường, bình đẳng giới, giảm thiểu rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Về huy động các nguồn lực

- Về huy động nguồn lực từ doanh nghiệp: Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã hỗ trợ đầu tư tham gia vào các hoạt động của các dự án theo quy định thực hiện Chương trình, tham gia đầu tư vào lĩnh vực phát triển nông nghiệp nông thôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng các chính sách ưu đãi do Nhà nước quy định.

- Về huy động đóng góp nguồn lực từ cộng đồng: Vận động đóng góp bằng hình thức thích hợp để nhân dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nhân dân được bàn bạc mức cụ thể đóng góp của từng dự án theo Quyết định, kế hoạch được duyệt.

Về huy động vốn

- Huy động vốn phải theo kế hoạch, quyết định được phê duyệt.

- Vốn huy động thực hiện đầu tư vào các dự án, tiểu dự án có phương án đúng, đúng đối tượng, có hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Việc sử dụng vốn đúng mục đích.

3. Về kỹ thuật và khoa học công nghệ: Tăng cường nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, ứng dụng CNTT hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Về công tác tuyên truyền: Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến mọi tầng lớp nhân dân và người dân tộc thiểu số nhằm thay đổi và chuyển biến về nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên thoát nghèo bền vững.

5. Về phát triển sản xuất

- Khai thác tối đa lợi thế so sánh của huyện trong phát triển kinh tế. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động trong từng ngành, lĩnh vực, theo hướng tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ, công nghiệp. Tập trung cơ cấu lại và đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm - OCOP. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để thúc đẩy phát triển sản xuất, nhất là sản xuất ứng dụng công nghệ cao. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là 07 xã phân đấu về đích đến năm 2025.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp, chuyển dịch mạnh theo hướng sản xuất hàng hóa; từng bước ứng dụng công nghệ vào sản xuất một số cây trồng nông nghiệp có thể mạnh; phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung các giải pháp phát huy thế mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị hàng hóa, sản xuất ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ trong tình hình mới, xây dựng thương hiệu sản phẩm, kêu gọi, thu hút doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm tại huyện hoặc liên kết tiêu thụ sản phẩm để hướng tới thị trường tiêu thụ ổn định, có chất lượng, phân đấu 50% số xã trên địa bàn có sản phẩm được chứng nhận OCOP đạt 3 sao trở lên. Tập trung phát triển vùng sản xuất tập trung và phát triển ứng dụng công nghệ cao gắn với liên kết thị trường tiêu thụ và phát triển du lịch, phát triển ổn định vùng sản xuất dược liệu có ứng dụng 1 phần công nghệ cao, củng cố phát triển mới vùng trồng cây ăn quả ôn đới với phát triển du lịch. Chú trọng việc chế biến các sản phẩm đặc trưng, gắn với phát triển du lịch.

- Quản lý chặt chẽ dịch bệnh ở vật nuôi và cây trồng, bảo vệ vật nuôi; chuyển đổi mạnh mẽ sang chăn nuôi trang trại tập trung và sản xuất hàng hóa, đảm bảo an toàn sinh học. Đa dạng hóa đàn vật nuôi, ưu tiên sản phẩm chăn nuôi thế mạng của vùng.

- Quản lý chặt chẽ diện tích rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Phát triển mạnh rừng gỗ lớn và trồng rừng đa mục đích gắn với quy hoạch các cơ sở chế biến. Tiếp tục phát triển các loại cây lâm sản ngoài gỗ đặc trưng của địa phương kết hợp với bảo vệ và phát triển rừng ổn định, tăng thu nhập từ rừng, từng bước xóa bỏ cây thảo quả để phát triển rừng bền vững.

6. Xây dựng đội ngũ cán bộ vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, đặc biệt quan tâm đến các chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ người DTTS có điều kiện tốt hơn để học tập, yên tâm công tác, tập trung trí lực, phát huy tâm huyết để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

- Quan tâm công tác tạo nguồn cán bộ, lãnh đạo quản lý là người dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện, chú trọng nhân sự quy hoạch cán bộ nữ, cán bộ trẻ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHÂN CÔNG QUẢN LÝ, THỰC HIỆN

1. Phòng Dân tộc

- Là cơ quan thường trực, quản lý Chương trình, chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành và các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo quy định; tổng hợp báo cáo hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình theo quy định;

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành và các xã, thị trấn liên quan rà soát, lựa chọn các nội dung, danh mục đầu tư hỗ trợ được ưu tiên, trọng tâm, trọng điểm cần thực hiện, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu của Chương trình đã đề ra; phối hợp lồng ghép nguồn lực đầu tư hỗ trợ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hiệu quả, tránh trùng lặp, chồng chéo;

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch, nhu cầu vốn, dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách huyện để thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, định kỳ, đột xuất tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình của các địa phương;

- Chủ trì triển khai thực hiện: Nội dung nước phân tán Dự án 1; Tiêu Dự án 2, Tiêu Dự án 4 của Dự án 5; Dự án 9; Tiêu dự án 1, Tiêu dự án 3 của Dự án 10.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình; tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình vào kế hoạch 05 năm và kế hoạch hằng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, ngành và các xã, thị trấn liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện, xã để thực hiện Chương trình;

- Hàng năm, trên cơ sở tổng hợp kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình và khả năng cân đối ngân sách trình UBND huyện xem xét, quyết định;

- Hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát, thanh quyết toán vốn thực hiện Chương trình theo quy định.

3. Các phòng, ban, ngành được phân công chủ trì Dự án, Tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan của huyện, UBND các xã, thị trấn tham mưu xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025 và hằng năm thực hiện Chương trình, dự án, tiêu dự án thành phần thuộc phạm vi quản lý, lĩnh vực được giao, gửi phòng Dân tộc, phòng Tài chính – Kế hoạch để tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định;

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các Dự án, Tiêu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình được phân công chủ trì;

- Chịu trách nhiệm rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác;

- Chủ trì, phối hợp với phòng Dân tộc, các phòng, ban, ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Dự án,

Tiểu dự án, nội dung thành phần Chương trình được phân công chủ trì theo quy định, gửi phòng Dân tộc để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện và Ban Dân tộc;

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo kết quả thực hiện Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao gửi về Phòng Dân tộc để tổng hợp theo quy định.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội huyện: Phối hợp với các Phòng, ban, ngành liên quan, các tổ chức hội, đoàn thể nhận ủy thác triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình tín dụng đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao hiệu quả và mở rộng vốn tín dụng ưu đãi đối với các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh; tham mưu đề xuất với các cơ quan Tỉnh, Trung ương sửa đổi, bổ sung cơ chế, định mức cho vay đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số cho phù hợp.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch thực hiện Chương trình của huyện, tình hình thực tế tại địa phương, xây dựng và phê duyệt kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm gửi phòng Dân tộc, phòng Tài chính – Kế hoạch và các cơ quan chủ trì Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình. chịu trách nhiệm trực tiếp, toàn diện về tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện Chương trình trên địa bàn;

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị tại địa phương trong thực hiện Chương trình; phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng, người dân tại địa phương trong thực hiện Chương trình, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực hiện;

- Bố trí đủ nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định, tổ chức huy động các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng, người dân để thực hiện các nội dung của Chương trình theo quy định. Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững;

- Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện Chương trình từ cơ sở; xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả sử dụng của các công trình, dự án sau khi đã được đầu tư hỗ trợ;

- Tổ chức phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; kịp thời biểu dương, nhân rộng các gương tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, tạo sức lan tỏa sâu rộng của phong trào thi đua từ cơ sở;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện từ cơ sở. Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định;

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp để tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình gắn với phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”. Tuyên truyền nhân rộng các

gương tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến và phong trào thi đua thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình;

- Phối hợp thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Bắc Hà; đề nghị các cơ quan, đơn vị, ban, ngành đoàn thể huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai, thực hiện. Trong quá trình triển khai, nếu có vướng mắc, các đơn vị kịp thời phản ánh về phòng Dân tộc, phòng Tài chính – Kế hoạch tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Lào Cai;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT: HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMTTQ và các đoàn thể thuộc huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Đăng